

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
KHOA PHỤ TRÁCH: KINH TẾ

Năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

(Ban hành theo Quyết định số 81/QĐ-CVA ngày 21/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Chu Văn An)

PHẦN 1

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

Mã ngành đào tạo: 7340101

Thời gian đào tạo: Từ 3 đến 4 năm

Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

Tên văn bằng tốt nghiệp: Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Tiếng Anh: Bachelor of Business Administration

Đơn vị thực hiện: Khoa Kinh tế

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh, có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị, có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

PO1: Có kiến thức chung về triết học, đặc biệt là triết học Mác- Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; chính sách, pháp luật của Nhà nước, đặc biệt là trong các lĩnh vực gắn với chuyên ngành đào tạo; các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách kinh tế.

PO2: Có kiến thức ngành về toán kinh tế, kinh tế học, kinh tế lượng, nguyên lý thống kê kinh tế, Luật kinh tế... để xác lập cơ sở khoa học cho việc ra quyết định quản trị.

PO3: Có kiến thức chuyên ngành về lĩnh vực quản trị kinh doanh như quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị sản xuất tác nghiệp, quản trị marketing, quản trị tài chính... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường, tham gia tổ chức bộ máy quản trị kinh doanh, tổ chức nhân lực và hệ thống thông tin quản trị, xây dựng và thực hiện các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức quá trình sản xuất, phân phối, tổ chức hoạt động marketing và bán hàng của doanh nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng – PO4

Có kỹ năng nghiên cứu thị trường, quản trị hệ thống bán hàng; xây dựng và phát triển quan hệ với các khách hàng.

Có kỹ năng về triển khai các hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhân sự, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển thương hiệu...

Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tìm kiếm và phát triển các cơ hội kinh doanh.

Có kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp, phát hiện và xử lý các vấn đề tài chính.

Có kỹ năng làm việc và nghiên cứu độc lập, làm việc có kế hoạch và khoa học.

Có khả năng làm việc nhóm, thích ứng với môi trường kinh doanh, và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo.

Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình đàm phán tốt...

2.2.3. Về trình độ Ngoại ngữ, Tin học – PO5

Áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (Tương đương cấp độ B1 của CEFR - Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu).

Công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đáp ứng một trong những điều kiện sau: Có kết quả đạt trong kỳ đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh do Nhà trường tổ chức trong thời hạn 3 năm tính từ ngày có quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra đến ngày xét tốt nghiệp.

tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính, tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet, vấn đề an toàn thông tin).

Kỹ năng xử lý văn bản: soạn thảo và trình bày văn bản từ đơn giản đến tài liệu dài (thực hiện được cấu trúc một văn bản trong Microsoft Word, tạo mới, nhập văn bản, lưu trữ, sử dụng lại văn bản, copy, cut,... định dạng văn bản, mail messenger, sử dụng Template và Style).

Kỹ năng xử lý bảng tính căn bản: hiểu và thao tác thành thạo trên các thành phần giao diện của Microsoft Excel, nhập dữ liệu đúng, vận dụng một số hàm và các toán tử của Excel, biểu đồ.

Kỹ năng tạo trình chiếu: tạo và trình bày tập tin trình chiếu với PowerPoint, các hiệu ứng khi trình chiếu, in slide, Handout.

Kỹ năng xử lý CSDL (căn bản): tạo một CSDL, nhập dữ liệu và truy vấn trong cơ sở dữ liệu Access, tạo form và report đơn giản trong Access.

2.2.4. Về thái độ, hành vi- PO6

Có hoài bão, say mê, tự tin, năng động, sáng tạo trong công việc; dám đương đầu với rủi ro và quyết đoán trong kinh doanh; giữ chữ tín và cam kết tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp.

Có ý thức trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tinh thần hợp tác.

Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy chế đào tạo của trường, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh: Trên toàn quốc

3.3. Phương thức tuyển sinh

3.3.1. Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

3.3.2. Xét tuyển theo kết quả học bạ lớp 12 THPT

3.3.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

4. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Chu Văn An.

5. Chuẩn đầu ra

Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo này có khả năng như sau:

Mã số CDR	Nội dung chuẩn đầu ra	Cấp bậc nhận thức theo thang đo của Bloom
Chuẩn về kiến thức		
KT1	Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học tự nhiên, Ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.	2
KT2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức liên quan những vấn đề của Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội, đồng thời ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.	2
KT3	Hiểu và vận dụng các kiến thức, công cụ nền tảng của kinh tế học vi mô, kinh tế học vĩ mô, các nguyên lý thống kê kinh tế và nguyên lý kế toán vào hoạt động quản trị kinh doanh	3
KT4	Nêu rõ được các kiến thức cơ bản, hiện đại về khoa học quản trị.	1
KT5	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu để tổ chức bộ máy, hoạch định kinh doanh, quản trị sản xuất, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị marketing, văn hóa của doanh nghiệp.	3
KT6	Phân tích, đánh giá hoạt động doanh nghiệp và xử lý tình huống kinh doanh.	4
KT7	Vận dụng kiến thức để quản trị bản thân.	3
KT8	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn và công tác quản lý.	3
Chuẩn về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)		
KN1	Tổ chức nghiên cứu, phát triển thị trường; phát triển, quản trị hệ thống bán hàng; xây dựng và phát triển quan hệ với các khách	4
KN2	Tổ chức và thực hiện đúng quy trình các hoạt động tuyển dụng và đào tạo nhân sự, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển thương hiệu.	4

KN3	Phân tích hoạt động marketing của doanh nghiệp, phát hiện và xử lý các vấn đề marketing, phân tích quản trị tác nghiệp, phát hiện và xử lý các vấn đề tác nghiệp.	4
KN4	Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tìm kiếm và phát triển các cơ hội kinh doanh.	3
KN5	Nghiên cứu độc lập, làm việc có kế hoạch và khoa học.	3
KN6	Thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh và tổ chức quản lý lĩnh vực, doanh nghiệp có hiệu quả.	3
KN7	Chủ động tổ chức, quản lý và tham gia hoạt động tác nghiệp	4
KN8	Vận dụng các kỹ năng giao tiếp phù hợp trong hoạt động truyền thông tương ứng với yêu cầu kinh doanh của doanh nghiệp.	2
Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm		
TC1	Tuân thủ luật pháp, nguyên tắc, quy định và chuẩn mực khi thực hiện các hoạt động kinh doanh; Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách, pháp luật của Nhà nước, và các quy chế đào tạo của trường, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, trách nhiệm với môi trường sống, có sức khỏe đáp ứng	1
TC2	Say mê, tự tin, năng động, sáng tạo trong công việc; dám đương đầu với rủi ro và quyết đoán trong kinh doanh; giữ chữ tín và cam kết tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp.	2
TC3	Trung thực và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong công việc; có ý thức bảo vệ môi trường, có trách nhiệm xã hội, bảo vệ lợi ích cộng đồng và nhạy cảm với bối cảnh toàn cầu về văn hóa để có các giải pháp kinh doanh bền vững.	2
TC4	Chủ động tu dưỡng rèn luyện đạo đức, học tập nâng cao năng lực chuyên môn, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt; tôn trọng đối tác, khách hàng, năng động, tự tin, có trách nhiệm khi phục vụ khách hàng và cộng đồng; cởi mở, thiện chí trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh; có tinh thần hợp tác làm việc nhóm.	2
Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học		

CNN1	Sử dụng thành thạo tiếng Anh (Bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT)	3
CTH1	Sử dụng thành thạo tin học văn phòng (trình độ CNTT cơ bản theo quy định Thông tư 17/2021/TT-BTTTT)	3
CTH2	Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Chu Văn An về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3	3

**Thang đo Bloom: 6 cấp độ đo sự nhận thức về kiến thức 1. Ghi nhớ -Remembering; 2. Hiểu -Understanding; 3. Áp dụng -Applying; 4. Phân tích -Analyzing; 5. Đánh giá -Evaluating; 6. Sáng tạo (Creating)*

*** Ma trận tích hợp giữa mục tiêu của chương trình đào tạo (PO) và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Mã số CDR)**

PO Mã CDR	Mức độ Bloom	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
KT1	2	x					
KT2	2		x				
KT3	3		x				
KT4	1		x				
KT5	3			x			
KT6	4			x			
KT7	3			x			
KT8	3			x			
KN1	4				x		
KN2	4				x		
KN3	4				x		
KN4	3				x		
KN5	3				x		
KN6	3				x		
KN7	4				x		
KN8	2				x		
TC1	1						x
TC2	2						x

TC3	2						x
TC4	2						x
CNN1	3					x	
CTH1	3					x	
CTH2	3					x	

6. Triển vọng nghề nghiệp

Sinh sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh có đủ năng lực để đảm nhiệm trong các nhóm công việc sau đây:

Nhóm 1: Nhân viên tác nghiệp, quản trị tác nghiệp, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng đầu vào, đầu ra, marketing và bán hàng, chuyên viên ở các bộ phận chức năng của các cơ sở kinh doanh trong phạm vi quốc gia và quốc tế... Trong đó có tập đoàn Ecopark, các đối tác chiến lược như tập đoàn Resort Ana Mandara, Resort Purama... cam kết tuyển dụng sinh viên học đúng ngành Quản trị kinh doanh tại trường và các doanh nghiệp khác.

Nhóm 2: Tạo lập/khởi nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực khác nhau.

Nhóm 3: Chuyên viên các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực quản lý kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phi Chính phủ trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

Nhóm 4: Tiếp tục học tập để phát triển cao hơn trong sự nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực quản lý, quản trị kinh doanh...

7. Quy trình đào tạo và công nhận tốt nghiệp

7.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện trong 7 đến 8 kì, trong đó có thời gian tích lũy kiến thức tại trường và thực tập tại cơ sở thực tế, đào tạo theo hình thức tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của nhà trường.

7.2. Quy trình tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Thang điểm: thang điểm 10 và quy đổi theo hệ A, B, C, D, F

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ

Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	9,0 – 10,0	A+	4
	8,5 – 8,9	A	3,7
	8,0 – 8,4	B+	3,5
	7,0 – 7,9	B	3,0
	6,5 – 6,9	C+	2,5
	5,5 – 6,4	C	2,0
	5,0 – 5,4	D+	1,5
	4,0 – 4,9	D	1
Không đạt	0,0 – 3,9	F	0

- Điểm học phần (Z) bao gồm:

+ Điểm chuyên cần (đi học đầy đủ), tham gia thảo luận trên lớp, chuẩn bị bài tập đầy đủ, tham gia bài tập nhóm (X) được tính:

+ Điểm tham gia giữa kì (Y1) được tính:

+ Điểm thi hết môn học (Y2) được tính:

Điểm Z được tính theo công thức: $Z=0,1.X+0,3.Y1+0,60.Y2$

PHẦN II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ toàn khoá: **122** (không bao gồm GDTC, GDQP)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
I	Kiến thức giáo dục đại cương (không bao gồm GDTC, GDQP)	33
	Học phần bắt buộc	27
	Học phần tự chọn	6
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	89
1	Kiến thức cơ sở ngành	13
2	Kiến thức ngành	12
3	Kiến thức chuyên ngành	52
	Học phần bắt buộc	36
	Học phần tự chọn	6
	Kỹ năng bổ trợ	10
4	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp/HP thay thế Khóa luận tốt nghiệp	12
	<i>Thực tập</i>	4
	<i>Khóa luận tốt nghiệp/các môn thay thế</i>	8
Tổng số:		122

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		33						
	Học phần bắt buộc		27						
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	3	15	3	27		90	
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2	15	2	13		60	
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	15	3	13		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	15	2	13		60	
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	15	2	13		60	
6	1040001	Tiếng Anh 1	4	30	2	28		120	
7	1040002	Tiếng Anh 2	4	30	2	28		120	1040001
8	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	4	30	2	28		120	1040001, 1040002
9	1030001	Tin học	2	15			25	60	
10	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	20		10		60	
	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)		6						
11	1015004	Pháp luật đại cương	2	20		10		60	
12	1050009	Đại số tuyến tính	2	15	10	5		60	
13	1050009	Xác suất thống kê	2	15	10	5		60	
14	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	15		15		60	
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		89						
1	Kiến thức cơ sở ngành		13						
15	1020101	Kinh tế vi mô	2	15	10	5		60	
16	1020102	Kinh tế vĩ mô	2	15	10	5		60	1020101
17	1010301	Luật doanh nghiệp	2	15		15		60	
18	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3	20	5	20		90	
19	1022201	Nguyên lý kế toán	2	20	10			60	
20	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	20	5	5		60	
2	Kiến thức ngành		12						
21	1023201	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2	20		10		60	
22	1023202	Quản trị học	2	20		10		60	
23	1023203	Quản trị Marketing	3	30		15		90	1023202

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
24	1023204	Quản trị tài nguyên và môi trường	3	30	5	10		90	
25	1022306	Tài chính quốc tế	2	15	5	10		60	
3	Kiến thức chuyên ngành		52						
	Học phần bắt buộc		36						
26	1023301	Quản trị hành chính văn phòng	3	20	5	15	8	90	
27	1023302	Quản trị rủi ro	2	15	5	10		60	1023202
28	1023303	Quản trị nhân lực	4	30		30		120	1023202
29	1023304	Quản trị kinh doanh	3	20	10	15		90	1023202
30	1023305	Khởi nghiệp	3	20		15	16	90	1023304
31	1023306	Quản trị chất lượng	3	20	5	20		90	
32	1023307	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3	20	10	15		90	
33	1023308	Quản trị KD thương mại và dịch vụ	3	20	5	20		90	
34	1023309	Quản trị doanh nghiệp	3	20	5	15	8	90	
35	1023310	Quản trị chiến lược	3	20	5	20		90	
36	1023311	Quản trị dự án đầu tư	2	20	10			60	
37	1023315	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	20	15	10		90	
38	1023312	Đề án môn học	1					30	
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)		6						
39	1023313	Kinh tế đầu tư	2	15	5	10		60	
40	1022307	Phân tích tài chính	2	15	5	10		60	
41	1021202	Kiểm toán	2	15	5	10		60	
42	1023314	Quản trị thương mại điện tử	2	15	5	10		60	
43	1023315	Quản trị công ty đại chúng	2	15	5	10		60	
44	1023316	Quản trị công nghệ	2	15	5	10		60	
	Kỹ năng bổ trợ		10						

TT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (Mã học phần)
				Lên lớp			Thực hành...	Tự học, tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận			
45	1023401	Định giá tài sản	2	5		10	20	60	
46	1023402	Kỹ năng giao tiếp	2	5		10	20	60	
47	1023403	Kỹ năng làm việc nhóm	2	5		10	20	60	
48	1023404	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	5		10	20	60	
49	1023405	Kỹ năng lập và phân tích dự án	2	5		10	20	60	
4	Kiến thức tốt nghiệp		12						
50	1023501	Thực tập tốt nghiệp	4						
51	1023604	Khoá luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	8						
	Các môn thay thế khóa luận		8						
52	1023603	Văn hóa doanh nghiệp	2	20		10		60	
53	1023602	Lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp	3	30	5	10		90	
54	1023601	Thị trường chứng khoán	3	30	10	5		90	
Viết khoá luận tốt nghiệp; thực tập chuyên môn; đăng ký học và thi các môn học thay cho khoá luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ									
4.1. Toàn bộ sinh viên đi thực tập chuyên môn trong thời gian tương đương: 4 tín chỉ									
4.2. Viết khoá luận tốt nghiệp: áp dụng đối với sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường: 8 tín chỉ									
4.3. Sinh viên không được viết Khoá luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết Khoá luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 8 tín chỉ và thực tập 4 tín chỉ.									
	Tổng tín chỉ toàn khoá		122						
	Kiến thức không tích lũy – 14 TC								
		Giáo dục QP-AN	11						
		Giáo dục thể chất	3						

3. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Thời gian, địa điểm học	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4
Dự kiến học kỳ	1	2	3	4	5	6	7
Tổng số tín chỉ: 122 tín chỉ	16	16	17	18	19	18	18
Các môn học dưới đây không tính điểm vào điểm trung bình trung tích lũy nhưng được tính làm điều kiện tốt nghiệp, cấp bằng cuối khóa (trừ kỹ năng bổ trợ). 1. Môn học Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ, sinh viên đăng ký học: 02 tín chỉ và học kỳ 1 và 1 tín chỉ vào học kỳ 2 2. Môn học Giáo dục Quốc phòng: 08 tín chỉ, học 01 tháng, tại trường hoặc đơn vị quân đội							

Bảng chi tiết kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ	Bố trí học kì						
				1	2	3	4	5	6	7
I	Kiến thức giáo dục đại cương		33							
	Học phần bắt buộc		27							
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	3	3						
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac - Lê Nin	2		2					
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2						
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		2					
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2				
6	1040001	Tiếng Anh 1	4	4						
7	1040002	Tiếng Anh 2	4			4				
8	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	4						4	
9	1030001	Tin học	2	2						
10	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2					2		
	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)		6							
11	1015004	Pháp luật đại cương	2		2					
12	1050009	Đại số tuyến tính	2							
13	1050009	Xác suất thống kê	2		2					
14	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2					
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		89							
1	Kiến thức cơ sở ngành		13							
15	1020101	Kinh tế vi mô	2	2						
16	1020102	Kinh tế vĩ mô	2		2					

17	1010301	Luật doanh nghiệp	2		2				
18	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	3	3					
19	1022201	Nguyên lý kế toán	2			2			
20	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2		2				
2	Kiến thức ngành		12						
21	1023201	Tâm lý học quản trị kinh doanh	2			2			
22	1023202	Quản trị học	2			2			
23	1023203	Quản trị Marketing	3			3			
24	1023204	Quản trị tài nguyên và môi trường	3				3		
25	1022306	Tài chính quốc tế	2			2			
3	Kiến thức chuyên ngành		52						
	Học phần bắt buộc		36						
26	1023301	Quản trị hành chính văn phòng	3				3		
27	1023302	Quản trị rủi ro	2					2	
28	1023303	Quản trị nhân lực	4					4	
29	1023304	Quản trị kinh doanh	3					3	
30	1023305	Khởi nghiệp	3					3	
31	1023306	Quản trị chất lượng	3				3		
32	1023307	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3						3
33	1023308	Quản trị KD thương mại và dịch vụ	3				3		
34	1023309	Quản trị doanh nghiệp	3					3	
35	1023310	Quản trị chiến lược	3				3		
36	1023311	Quản trị dự án đầu tư	2						2
37	1023315	Phân tích hoạt động kinh doanh	3				3		
38	1023312	Đề án môn học	1						1
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)		6						
39	1023313	Kinh tế đầu tư	2						2
40	1022307	Phân tích tài chính	2						
41	1021202	Kiểm toán	2						2

42	1023314	Quản trị thương mại điện tử	2							
43	1023315	Quản trị công ty đại chúng	2					2		
44	1023316	Quản trị công nghệ	2							
	Kỹ năng bổ trợ		10							
45	1023401	Định giá tài sản	2					2		
46	1023402	Kỹ năng giao tiếp	2					2		
47	1023403	Kỹ năng làm việc nhóm	2							2
48	1023404	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2							2
49	1023405	Kỹ năng lập và phân tích dự án	2							2
4	Kiến thức tốt nghiệp		12							
50	1023501	Thực tập tốt nghiệp	4							4
51	1023604	Khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	8							8
	Các môn thay thế khóa luận		8							
52	1023603	Văn hóa doanh nghiệp	2							2
53	1023602	Lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp	3							3
54	1023601	Thị trường chứng khoán	3							3

4. Ma trận các học phần hình thành năng lực gồm: Kiến thức, Kỹ năng/ phẩm chất đạo đức, mức tự chủ và trách nhiệm theo chuẩn đầu ra của CTĐT

(Phụ lục đính kèm Phụ lục 01)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN

PHỤ LỤC 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHOA KINH TẾ

BẢNG MA TRẬN NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA THEO THANG BLOOM

		CHUẨN ĐẦU RA																				
TT	MÃ HỌC PHẦN	KHỐI KIẾN THỨC	Kiến thức								Kỹ năng nghề nghiệp								Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
			KT	KT	KT	KT	KT	KT	KT	KT	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	KN	TC	TC	TC	TC
I		Kiến thức giáo dục đại cương	1	2	3	4	5	6	7	8								1	2	3	4	
		Học phần bắt buộc																				
1	1050001	Triết học Mac – Lê Nin	2															1				
2	1050002	Kinh tế chính trị Mac – Lê Nin	2															1				
3	1050003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2															1	2			
4	1050004	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2															1	2	3	3	
5	1050005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3															1	2	3	3	
6	1040001	Tiếng Anh 1	3	3														1	2	3	3	

7	1040002	Tiếng Anh 2	3	3															1	2	3	3
8	1040007	Tiếng Anh chuyên ngành	3	3															1	2	2	2
9	1030001	Tin học	3	3															1	2	2	2
10	1010103	Đạo đức nghề nghiệp và Pháp luật về phòng chống tham nhũng	3	3															1	2	2	2
	Học phần tự chọn (Chọn 3 học phần)																					
11	1015004	Pháp luật đại cương	2	2															1	2	2	2
12	1050009	Đại số tuyến tính	2	2															1	2	2	2
13	1050009	Xác suất thống kê	3	3						2									1	2	2	2
14	105010	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3															1	2	2	2
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																					
1	Kiến thức cơ sở ngành																					
15	1020101	Kinh tế vi mô	2	3	3			2		1	1	3	3	3	3	3	4	4	1	2	3	4
16	1020102	Kinh tế vĩ mô	2	3	3			2		1	1	3	3	3	3	3	4	4	1	2	3	4
17	1010301	Luật doanh nghiệp	2	3	2		2			1	1	3	3	3	3	3	4	4	1	2	3	4
18	1022202	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ	2	2	3			2		1	1	3	3	3	3	3	4	4	1	2	3	4
19	1022201	Nguyên lý kế toán	2	2	3			2		1	1	3	3	3	3	3	4	4	1	2	3	4
20	1022101	Thị trường tài chính và các định chế tài chính	2	3	3		2			1	1	3	3	3	3	3	4	4	1	2	3	4

[illegible]

35	1023310	Quản trị chiến lược	2	3	2	3	3	3	4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
36	1023311	Quản trị dự án đầu tư	2	3	2	3	3	3	4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
37	1023315	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	3	2	3	3	3	4	2	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
38	1023312	Đề án môn học	4	3	3	3	3	4	4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
	Học phần Tự chọn (chọn 3 học phần)																						
39	1023313	Kinh tế đầu tư	3	3	2	2	3	3	4	2	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
40	1022307	Phân tích tài chính	2	3	2		3		4	2	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
41	1021202	Kiểm toán	2	3	3		3		4	2	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
42	1023314	Quản trị thương mại điện tử	2	3	3	3	3	3	4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
43	1023315	Quản trị công ty đại chúng	2	3	3	3	3	3	4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
44	1023316	Quản trị công nghệ	2	3	3	3	3	3	4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
	Kỹ năng bổ trợ								4														
45	1023401	Định giá tài sản	2	3	3		3		4	2	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
46	1023402	Kỹ năng giao tiếp	2	3	3				4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
47	1023403	Kỹ năng làm việc nhóm	2	3	3	3	3	3	4	2	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
48	1023404	Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng	2	3	3				4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
49	1023405	Kỹ năng lập và phân tích dự án	2	3	3				4	3	3	3	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4
4	Kiến thức tốt nghiệp																						
50	1023501	Thực tập tốt nghiệp	2	4	4	4	4	4	4		4	1	1	1	3	3	3	4	4	1	2	3	4

51	10236 04	Khóa luận hoặc chuyên đề tốt nghiệp	2	4	4	4	4	4	4	4	1	1	3	3	3	3	3	4	1	2	3	4
		Các môn thay thế khóa luận																				
52	1023603	Văn hóa doanh nghiệp	2	3	3		2	4	3	3	1	1	3	3	3	3	4	4	1	2	3	4
53	1023602	Lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp	2	2	3	2		4	2	3	1	1	3	3	3	4	4	4	1	2	3	4
54	1023601	Thị trường chứng khoán	2	3	3		3	4	3	3	1	1	3	3	3	4	4	4	1	2	3	4

PHỤ LỤC 02

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHU VĂN AN
KHOA KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày tháng năm 2023

BẢNG DANH SÁCH HỌC PHẦN VÀ GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH

TT	Tên học phần	Tên giảng viên phụ trách	Học hàm /Học vị	Khoa/Bộ môn	Cơ hữu/Thỉnh giảng	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
...						

Lưu ý: - Mỗi học phần có thể do 1 hoặc nhiều giảng viên giảng dạy; xếp theo thứ tự ưu tiên.

- Mỗi giảng viên giảng dạy không quá 03 học phần.

TM. BAN CHỦ NHIỆM KHOA

TRƯỞNG KHOA



TS Hà Huy Tuấn